TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HS-ST
Ngày: 21/7/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lâm Thành Thông
2. Bà Dương Thị Thanh Thúy

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký viên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5-Vĩnh Long tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5-Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2025/TLST-HS ngày 02/6/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2025/QĐXXST-HS ngày 30/6/2025 đối với bị cáo:

Trần Phú T, sinh năm 1991 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: số A, khu phố A, phường A, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre); căn cước công dân số: 083202005108; danh chỉ bản số: 75 lập ngày 23/4/2025 tại Công an tỉnh B (nay là tỉnh Vĩnh Long); trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Phú V, sinh năm 1965 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm: 1967; bị cáo chung sống như vợ chồng với Lê Nguyễn Ngô Hoàng N, sinh năm 1997 có 01 con chung sinh năm 2017.

Tiền án: có 03 tiền án:

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2017/HSST ngày 05/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5-Vĩnh Long) xử phạt Trần Phú T 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (chấp hành xong bản án ngày 16/10/2017);

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2018/HSST ngày 21/8/2018 của Tòa án nhân dân phố Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5-Vĩnh Long) xử phạt Trần Phú T 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" (chấp hành xong Bản án ngày 12/5/2019);

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2020/HSST ngày 14/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5-Vĩnh Long) xử

phạt Trần Phú T 04 năm tù về tội "Cướp giật tài sản" (chấp hành xong hình phạt ngày 28/7/2023).

Tiền sự: không.

Nhân thân:

- Tại Quyết định Số 1012/QĐ-UBND ngày 11/10/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố B quyết định áp dụng biện pháp Đưa vào Cơ sở chữa bệnh thời hạn 24 tháng (chấp hành xong ngày 22/02/2016).

- Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính Số 05/QĐ-XPHC ngày 18/3/2025 của Công an P, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long) xử phạt Trần Phú T số tiền 1.500.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy".

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/3/2025 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại tòa.

- *Bị hại:*

1. Nguyễn Thị H1, sinh năm 1967; nơi cư trú: số A, đường H, khu phố E, phường A, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt

2. Nguyễn Hoàng K, sinh năm 1985; nơi cư trú: số B, ấp L, xã C, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Hồ Thị H2, sinh năm 1971; nơi cư trú: ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt

- *Người làm chứng:*

1. Mai Anh T1, sinh năm 1984; nơi cư trú: số D, ấp P, xã G, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt

2. Huỳnh Minh H3, sinh năm 1988; nơi cư trú: số D, ấp C, xã G, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt, vào các ngày 16/4/2024 và ngày 17/3/2025, trên địa bàn thành phố B, T đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác 02 lần như sau:

Vụ thứ nhất:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 16/4/2024, Trần Phú T điều khiển xe mô tô (không nhớ biển số) đi tìm tài sản để trộm cắp. Khi đến khu vực gần cầu C thuộc địa phận Khu phố E, phường A, thành phố B (nay là phường A, tỉnh Vĩnh Long), T phát hiện có 01 két sắt của bà Nguyễn Thị H1 vừa được giao hàng còn để ở vỉa hè để chuẩn bị mang vào cửa hàng, không người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T điều khiển xe mô tô chạy đến, lấy két sắt đặt lên yên sau và tăng ga xe tẩu thoát. T bán két sắt cho một nam thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ) với giá 150.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

Hiện trường xảy ra vụ án ở khu vực vỉa hè đường H, phía trước Trụ sở cũ của Trung tâm dạy nghề Hội Phụ nữ tỉnh B thuộc địa phận Khu phố E, phường A, thành phố B (nay là phường A, tỉnh Vĩnh Long). Vị trí để két sắt trên vỉa hè cách Trụ điện Số 2b là 1,5m.

Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 đoạn camera ghi nhận diễn biến vụ trộm cắp tài sản xảy ra ngày 16/4/2024 tại phường A, thành phố B (nay là phường A, tỉnh Vĩnh Long) và không thu giữ được vật chứng là két sắt.

Vụ thứ hai:

Khoảng 11 giờ 05 phút ngày 17/3/2025, Trần Phú T điều khiển xe mô tô Biển số 71S9 – 1073 do T đã mua trước đó nhưng chưa làm thủ tục sang tên, T điều khiển xe lưu thông trên đường N sau đó rẽ vào cầu B hướng từ phường A về Phường H gặp Mai Anh T1 đang nhặt ve chai ở khu vực cầu B ở Khu phố F, phường P, thành phố B (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long) nên T chở T1 đến khu vực Phường H để uống cà phê. Khi đến khu vực bờ dừa ở Khu phố D, Phường H, thành phố B (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long) T phát hiện xe mô tô Biển số 71K6 – 0908 của anh Nguyễn Hoàng K dựng ở khu vực bờ dừa Khu phố 4 không người trông coi, trên xe có gắn sẵn chìa khóa nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T rủ Mai Anh T1 trộm xe mô tô trên nhưng T1 không đồng ý và xuống xe đi bộ về, thấy vậy T điều khiển xe mô tô đưa T1 về, đến vỉa hè Đại lộ Đ thì T cho T1 xuống xe để T1 tiếp tục đi nhặt ve chai. Sau đó, T một mình quay lại nơi dựng xe mô tô Biển số 71K6 – 0908, T dựng xe mô tô Biển số 71S9 – 1073 của T cách xe mô tô Biển số 71K6 – 0908 khoảng 100m và khóa cổ xe của T lại sau đó đi bộ tiến đến xe mô tô Biển số 71K6 – 0908. T mở cốp xe mô tô Biển số 71K6 – 0908 lấy 01 điện thoại di động hiệu Vivo bỏ vào túi áo và điều khiển xe đến vị trí xe mô tô của T đang dựng. T tháo và cất biển số của xe mô tô vừa trộm được, điều khiển xe vừa trộm được đến vựa ve chai ở số A, Khu phố D, Phường H, thành phố B (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long) và bán cho Hồ Thị H2 với giá 800.000 đồng. Sau khi bán xe mô tô Biển số 71K6 – 0908, T đi bộ lại lấy xe mô tô của T và chạy về nhà T ở Số A, Khu phố A, phường A, thành phố B (nay là phường A, tỉnh Vĩnh Long), T tháo biển số xe 71S9 – 1073 của T vứt bỏ rồi gắn Biển số 71K6 – 0908 của xe mô tô T trộm để sử dụng, sau đó T bị Công an P (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long)mời về làm việc.

Vật chứng thu giữ của Trần Phú T: 01 (Một) xe mô tô, nhãn hiệu Future Neo, số máy: VHLFM152FHMV380499, số khung: RMNWCHWMN7H000499, đã qua sử dụng (không có biển số); 01 (Một) Biển số xe mô tô 71K6 – 0908; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màu đen, Số I 1: 8691290357889956, Số I 2: 869129035788949.

Tại Kết luận định giá tài sản Số 442/KL-HĐĐG ngày 14/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 (một) két sắt nhãn hiệu KS50, màu xám, nặng khoảng 50kg, tình trạng mới, chưa qua sử dụng trị giá tài sản ngày 16/4/2024 là 3.899.999 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản Số 468/KL-HĐĐG ngày 05/5/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự thành phố B kết luận: 01 (Một) xe mô tô hiệu JUPITER, màu sơn xanh, Số máy 5VT2 – 39988, Số khung: 5VT24YA – 039988, Biển số 71K6 – 0908 (tài sản không thu hồi được) trị giá tài sản ngày 17/3/2025: 2.500.000 đồng; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màu đen, mua và sử dụng năm 2024 (tài sản thu hồi được) trị giá tài sản ngày 17/3/2025: 300.000 đồng.

Bị hại Nguyễn Thị H1 yêu cầu Trần Phú T bồi thường số tiền 3.899.999 đồng, T đồng ý bồi thường nhưng chưa bồi thường.

Bị hại Nguyễn Hoàng K đã nhận lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màu đen, Số I 1: 8691290357889956, Số I 2: 869129035788949 và 01 Biển số xe mô tô 71K6 – 0908; ông K yêu cầu Trần Phú T bồi thường số tiền 3.000.000 đồng đối với xe mô tô bị T chiếm đoạt, cao hơn giá trị Hội đồng định giá tài sản xác định là 500.000 đồng. T đồng ý nhưng chưa bồi thường.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Hồ Thị H2 là người đã mua xe mô tô Biển số 71K6 - 0908 do T bán với giá 800.000 đồng, sau đó bà H2 bán lại xe mô tô trên cho một nam thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ) với giá 1.200.000 đồng. Bà H2 không có yêu cầu gì khác.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Future Neo, số máy: VHLFM152FHMV380499, số khung: RMNWCHWMN7H000499, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B (nay là tỉnh Vĩnh Long) chưa xử lý.

Quá trình điều tra, Trần Phú T đã khai nhận hành vi phạm tội, lời khai nhận của T phù hợp với lời khai của các bị hại, vật chứng thu giữ, kết luận định giá và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Tại cáo trạng số 37/CT-VKSTPBT ngày 02/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5-Vĩnh Long) đã truy tố bị cáo về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị:

Về hình phạt chính, áp dụng: điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo từ 02 năm 6 tháng đến 03 năm tù về tội "*Trộm cắp tài sản*".

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo bồi thường cho: bị hại Nguyễn Thị H1 số tiền 3.899.999 đồng; bị hại Nguyễn Hoàng Khiêm T2 số tiền 3.000.000 đồng.

Ghi nhận: Ông Nguyễn Hoàng K đã nhận lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màu đen; 01 Biển số xe mô tô 71K6 – 0908.

Giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V 01 xe mô tô nhãn hiệu Future Neo để làm rõ chủ sở hữu và xử lý theo thẩm quyền.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Bị hại Nguyễn Hoàng K trình bày: việc ông bị mất trộm tài sản như cáo trạng nêu là đúng, ông đã nhận lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màu đen; đối với xe mô tô Biển số 71K6 – 0908 ông đã bị mất không thu hồi được nên ông yêu cầu bị cáo bồi thường cho ông số tiền 3.000.000 đồng để ông mua xe mới. Về trách nhiệm hình sự ông yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã được triệu tập đúng quy định nhưng vắng mặt; quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 292; Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định: vào các ngày 16/4/2024 và ngày 17/3/2025, bị cáo thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể:

Vụ thứ nhất: khoảng 10 giờ 30 phút ngày 16/4/2024, Trần Phú T có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 két sắt trị giá 3.899.999 đồng của bà Nguyễn Thị H1 tại Khu phố E, phường A, thành phố B (nay là phường A, tỉnh Vĩnh Long).

Vụ thứ hai: khoảng 11 giờ 30 phút ngày 17/3/2025, Trần Phú T có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô Biển số 71K6 – 0908 trị giá 2.500.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Vivo trị giá 300.000 đồng của anh Nguyễn Hoàng K tại khu vực bờ dừa thuộc địa phận Khu phố D, Phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay

là phường P, tỉnh Vĩnh Long). Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Hoàng K là 2.800.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị cáo Trần Phú T chiếm đoạt của các bị hại Nguyễn Thị H1 và Nguyễn Hoàng K có giá trị 6.699.999 đồng.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận biết rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm, bị cáo có 03 tiền án về các tội chiếm đoạt tài sản và đã bị áp dụng tình tiết "Tái phạm" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, bị cáo đã một mình 02 lần cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại, giá trị tài sản chiếm đoạt 6.699.999 đồng (mỗi lần đều trên 2.000.000 đồng) nhưng cơ quan có thẩm quyền không chứng minh được bị cáo phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5-Vĩnh Long) truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản"quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[4] Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng chủ sở hữu thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản đã thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Khi bị cáo thực hiện tội phạm đã gây ra tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, trong sinh hoạt hàng ngày.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân xấu, có 03 tiền án và đã nhiều lần bị xử phạt hành chính. Về tình tiết tặng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo 02 lần thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: "Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn", "Người phạm tội thành khẩn khai báo", "Có nghĩa vụ nuôi con chưa thành niên" theo quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo bồi thường cho: bị hại Nguyễn Thị H1 số tiền 3.899.999 đồng; bị hại Nguyễn Hoàng Khiêm T2 số tiền 3.000.000 đồng là giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt nhưng không thu hồi được.

Ghi nhận: Ông Nguyễn Hoàng K đã nhận lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màu đen, 01 Biển số xe mô tô 71K6 – 0908; bà Hồ Thị H2 không có yêu cầu gì khác.

Giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V 01 xe mô tô nhãn hiệu Future Neo để làm rõ chủ sở hữu và xử lý theo thẩm quyền.

[8] Đối với bà Hồ Thị H2 là người mua tài sản mà bị cáo trộm của bị hại nhưng không biết nguồn gốc tài sản nên Cơ quan có thẩm quyền không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[9] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, hình phạt, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp là phù hợp nên được chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm: bị cáo bị kết án và có nghĩa vụ dân sự phải thực hiện nên phải chịu theo quy định của Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Phú T phạm tội "Trộm cắp tài sản";

1. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Phú T 02 (hai) năm 9 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/3/2025.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị H1 số tiền 3.899.999 (ba triệu tám trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi chín) đồng;

Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại Nguyễn Hoàng K số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền chưa được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V 01 xe mô tô nhãn hiệu Future Neo, số máy: VHLFM152FHMV380499, số khung: RMNWCHWMN7H000499 (không có biển số xe, không rõ màu sơn) để làm rõ chủ sở hữu và xử lý theo thẩm quyền.

(Vật chứng hiện Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5-Vĩnh Long quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/7/2025).

4. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Trần Phú T nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (hai trăm nghìn) đồng; án phí dân sự sơ thẩm 345.000 (ba trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng. Tổng án phí bị cáo phải nộp là 545.000 (năm trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng.

5. Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- VKSND KV5-Vĩnh Long (1b);
- Cơ quan điều tra CA tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Phòng THA dân sự KV5-Vĩnh Long (1b);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Vĩnh Long (1b);
- UBND P. AN Hội (1b);
- Bị cáo, NTGTT (4b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (3b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Trình